

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 21-11-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-01-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quàng Thị D, sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản NS, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Lường Văn T, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản CP, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. (Anh T hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam QT)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày:

Chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2022 tại Ủy ban nhân dân xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lường Văn T nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, hai bên gia đình đã hòa giải không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lường Văn T bị

bắt đi tù từ năm 2022 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lường Văn T.

Về con chung: Chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T có 01 con chung là cháu Lường Thị KL, sinh ngày 14/12/2021. Hiện tại cháu Lường Thị KL đang ở với chị Quàng Thị D.

Chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Thị KL.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh Lường Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lường Văn T trình bày (có xác nhận của Trại giam QT):

Anh Lường Văn T cũng biết tình cảm vợ chồng chỉ có thế này. Anh T không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh Lường Văn T và chị Quàng Thị D có 01 con chung là cháu Lường Thị KL, sinh ngày 14/12/2021.

Anh T đề nghị giao cháu Lường Thị KL cho gia đình anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Thị KL, đợi cháu Lường Thị KL lớn rồi để cháu quyết định xem ở với anh T hay chị D. Anh T không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 19/12/2024 xác định: Anh Lường Văn T và chị Quàng Thị D kết hôn hợp pháp, chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân mâu thuẫn không rõ. Anh Lường Văn T đi chấp hành án phạt tù từ năm 2022. Chị Quàng Thị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại bản NS, xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La sinh sống cùng cháu Lường Thị KL. Chị D có khả năng và điều kiện nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Quàng Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị D giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và có yêu cầu miễn án phí.

Anh Lương Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có xác nhận của Trại giam QT) với nội dung: Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn với anh Lương Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lương Thị KL, sinh ngày 14/12/2021 cho chị Quàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Quàng Thị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Quàng Thị D yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lương Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại bản CP, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Quàng Thị D, bị đơn anh Lường Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị D và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D, anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Lường Văn T nghiện ma túy, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, mâu thuẫn kéo dài, hai bên gia đình đã hòa giải không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đi chấp hành án phạt tù từ năm 2022 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Lường Văn T. Anh T không có ý kiến về việc giải quyết ly hôn.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị D và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân do anh Lường Văn T nghiện ma túy đang phải chấp hành án, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian dài không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn với anh Lường Văn T.

[3] Về con chung: Chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T có 01 con chung: Cháu Lường Thị KL, sinh ngày 14/12/2021. Hiện tại cháu Lường Thị KL đang ở với chị Quàng Thị D.

Chị Quàng Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Thị KL. Anh Lường Văn T đề nghị giao cháu Lường Thị KL cho gia đình anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Quàng Thị D có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T sống ly thân, chị D đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng cháu Lường Thị KL về mọi mặt. Hơn nữa, cháu Lường Thị KL là con gái, còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó cần chấp nhận ý kiến của nguyên đơn, giao cháu Lường Thị KL cho chị Quàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Lường Văn T đang chấp hành án phạt tù không có điều kiện cấp dưỡng và chị Quàng Thị D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị D, anh Lường Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện - kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị D. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Quàng Thị D được ly hôn với anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Thị KL, sinh ngày 14/12/2021 cho chị Quàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Quàng Thị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị D và anh Lường Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị D.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị D, anh Lường Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã BM, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nông Văn Thịnh